TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4- CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 01 - 2026
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Nhớ
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mầm
Ông Nguyễn Văn Sol

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Khải là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 -Cà Mau.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4- Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 377/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2025 về việc*"Tranh chấp xin ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 198/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh ngày 15/9/1975 (0398.759.132);
Số CCCD: 096175001671.
Địa chỉ: Ấp Tân Thới B, xã Tạ An Khương, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Ông Lê Phước N, sinh năm 1975.
Địa chỉ: Ấp Tân Thới B, xã Tạ An Khương, tỉnh Cà Mau.
Tại phiên tòa, nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Phước N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương Đông, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (nay là xã Tạ An Khương, tỉnh Cà Mau) vào năm 2004. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến thời gian gần đây thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm, anh N không chăm lo cho gia đình, bỏ bê gia đình. Mâu thuẫn trầm trọng, hai bên gia đình hàn gắn nhưng không thành. Nay xét thấy hôn nhân giữa chị và anh N không còn hạnh phúc, không còn hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể duy trì nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh N có 03 người con chung tên Lê Huỳnh Như sinh năm 1997, Lê Vũ Phương sinh năm 1999 và Lê Vũ Khanh sinh năm 2000. Sau khi ly hôn, các con đều đã trưởng thành chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, do điều kiện phải đi làm xa nên chị xin xét xử vắng mặt, chị thống nhất với phán quyết của Tòa án, không có khiếu nại về sau.

** Bị đơn là anh Lê Phước N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do và không cung cấp tài liệu, chứng cứ hay ý kiến đối với nội dung khởi kiện của nguyên đơn.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị M và anh Lê Phước N là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc *"Xin ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Anh Lê Phước N có địa chỉ cư trú tại ấp Tân Thới B, xã Tạ an Khương, tỉnh Cà Mau do đó Tòa án nhân dân khu vực 4 – Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Phước N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, chị Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N, chị M là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Lê Phước N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tạ An Khương Đông, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (nay là xã Tạ An Khương, tỉnh Cà Mau) vào năm 2004. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh N đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Theo chị M trình bày, sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến thời gian gần đây thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng về quan điểm, anh N không chăm lo gia đình, bỏ bê gia đình dẫn tới mâu thuẫn phát sinh và hai bên gia đình hàn gắn nhưng không thành. Nay xét thấy hôn

nhân giữa chị và anh N không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và không thể duy trì nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Đối với anh N, Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia xét xử nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy, tình trạng hôn nhân của chị M và anh N đã thực sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được đúng như chị M xác định. Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M, cho chị M được ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, chị M xác định chị và anh N có với nhau 03 con chung tên Lê Huỳnh Như sinh năm 1997, Lê Vũ Phương sinh năm 1999 và Lê Vũ Khanh sinh năm 2000. Sau khi ly hôn, các con đều đã trưởng thành chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy: Các cháu Lê Huỳnh Như sinh năm 1997, Lê Vũ Phương sinh năm 1999 và Lê Vũ Khanh sinh năm 2000 đều đã hơn 18 tuổi và chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị M xác định chị và anh N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về nợ chung, nợ riêng: Chị M xác định chị và anh N không có nợ chung hay ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị M, cho chị M được ly hôn với anh Lê Phước N.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng).* Vào ngày 07 tháng 11 năm 2025 chị M có dự nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004192 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị M và anh N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 4- Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 4- Cà Mau;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Tạ An Khương;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Tăng Thị Nhớ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mầm **Nguyễn Văn Sol** **Tăng Thị Nhớ**